Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

(trước đây là Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai)

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 37

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai) ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười bốn (14) GCNĐKKD điều chỉnh.

Vào ngày 3 tháng 4 năm 2015, Công ty đã nhận được GCNĐKKD số 5900712753 – điều chỉnh lần thứ mười một, chấp thuận việc đổi tên từ Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai thành Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là trồng và kinh doanh cao su và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; và chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa.

Công ty có trụ sở chính tại số 15 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	*Chức vụ*	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên	
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Quan Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên	mãn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Sự	Thành viên	mãn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Trương Ngọc Thành	Thành viên	mãn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên	mãn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Trần Quốc Huy	Thành viên	mãn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	*Chức vụ*	
Ông Lê Hồng Phong	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Đỗ Văn Hải	Trưởng ban	mãn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Bà Đào Định Phương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Bà Huỳnh Thị Lan Hồng	Thành viên	mãn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Bà Trương Thị Mỹ Nguyệt	Thành viên	mãn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	*Chức vụ*	
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Giám đốc	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015
Ông Trịnh Xuân Nhân	Giám đốc	từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015
Ông Phan Thanh Thủ	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Phó Giám đốc	
Ông Trịnh Xuân Nhân	Phó Giám đốc	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Giám đốc	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015
Ông Hoàng Đình Quý	Phó Giám đốc	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Quan Anh	Phó Giám đốc	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015
Ông Võ Nguyễn Công Bửu	Phó Giám đốc	từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015
Ông Mai Đình Hồng	Phó Giám đốc	từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	
Ông Nguyễn Xuân Thắng	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015
Ông Trịnh Xuân Nhân	từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai) ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 10.1 và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất đã được phát hành riêng lẻ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Giám đốc:

Nguyễn Xuân Thắng
Giám đốc

Gia Lai, Việt Nam

Ngày 8 tháng 4 năm 2016

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Building a better working world

Số tham chiếu: 60752790/17892163

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai) ("Công ty") được lập ngày 8 tháng 4 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Building a better working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến các Thuyết minh số 2.1 và 14 của báo cáo tài chính riêng. Báo cáo tài chính riêng đã được lập với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã trình bày các khoản vay và trái phiếu phải trả trị giá 4.081.940.455 ngàn VND, trong đó 406.645.000 ngàn VND sẽ đến hạn thanh toán trong năm 2016. Ngoài ra, cũng tại ngày này, Công ty đã vi phạm điều khoản của khoản vay trái phiếu như được trình bày tại Thuyết minh số 14 của báo cáo tài chính riêng. Những vấn đề này cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn đang trong quá trình đàm phán với các chủ nợ và xin phê duyệt từ các cơ quan có thẩm quyền để tái cơ cấu các khoản vay và trái phiếu nói trên.

Bên cạnh đó, chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 19 của báo cáo tài chính riêng. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn trị giá lần lượt là 1.510.757.588 ngàn VND và 2.703.320.877 ngàn VND chưa được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo yêu cầu của Thông tư số 121/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 7 năm 2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

Ngoài ra, chúng tôi cũng xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.2 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 8 tháng 4 năm 2016 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2013-004-1

Đoàn Thị Thu Thủy
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1070-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 8 tháng 4 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ngàn VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại – Thuyết minh số 21)*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**2.794.644.068**	**1.326.076.878**
110	***I. Tiền***	***4***	***572.980***	***1.449.756***
111	1. Tiền		572.980	1.449.756
130	***II. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***2.792.656.170***	***1.323.479.683***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	22.670.764	15.808.396
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		567.410	4.543.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	19	1.510.757.588	405.196.050
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.261.030.197	899.828.997
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(2.369.789)	(1.896.760)
140	***III. Hàng tồn kho***	***7***	***1.028.896***	***1.123.079***
141	1. Hàng tồn kho		1.028.896	1.123.079
150	***IV. Tài sản ngắn hạn khác***		***386.022***	***24.360***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	24.360
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		100.191	-
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		285.831	-
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**10.604.939.441**	**9.345.285.052**
210	***I. Khoản phải thu dài hạn***		***2.703.320.877***	***3.343.583.806***
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	19	2.703.320.877	3.343.583.806
220	***II. Tài sản cố định***		***45.939.164***	***53.835.887***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	9.475.958	11.323.042
222	Nguyên giá		25.036.836	23.802.035
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(15.560.878)	(12.478.993)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	36.463.206	42.512.845
228	Nguyên giá		48.197.185	48.197.185
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(11.733.979)	(5.684.340)
250	***III. Đầu tư tài chính dài hạn***	***10***	***7.855.101.013***	***5.946.621.909***
251	1. Đầu tư vào công ty con	10.1	7.581.925.022	5.698.161.358
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	10.2	273.175.991	248.460.551
260	***IV. Tài sản dài hạn khác***		***578.387***	***1.243.450***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		578.387	1.243.450
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**13.399.583.509**	**10.671.361.930**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ngàn VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại – Thuyết minh số 21)*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**5.130.207.338**	**5.357.554.042**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***1.454.911.883***	***3.756.594.851***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	62.617.582	49.535.597
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		1.648.286	1.661.435
314	3. Phải trả người lao động		1.107.407	894.958
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	12	305.212.779	6.718.423
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	13	677.680.829	1.439.956.438
320	6. Vay ngắn hạn	14	406.645.000	2.257.828.000
330	***II. Nợ dài hạn***		***3.675.295.455***	***1.600.959.191***
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	12	-	200.000.000
338	2. Vay dài hạn	14	3.675.295.455	1.400.959.191
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**8.269.376.171**	**5.313.807.888**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	*15*	***8.269.376.171***	***5.313.807.888***
411	1. Vốn cổ phần		7.081.438.950	3.990.670.000
411a	- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*7.081.438.950*	*3.990.670.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.550.810	1.295.347.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.185.386.411	27.790.888
421a	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*27.790.888*	*19.507.500*
421b	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*1.157.595.523*	*8.283.388*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**13.399.583.509**	**10.671.361.930**

Hồ Thị Tuyết Loan
Người lập

Đỗ Văn Hải
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ HOÀNG ANH GIA LAI

Nguyễn Xuân Thắng
Giám đốc

Ngày 8 tháng 4 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ngàn VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước (trình bày lại – Thuyết minh số 21)*
10	**1. Doanh thu thuần về bán hàng**		**12.502.387**	**10.081.668**
11	**2. Giá vốn hàng bán**		**(10.912.626)**	**(7.760.345)**
20	**3. Lợi nhuận gộp về bán hàng**		**1.589.761**	**2.321.323**
21	**4. Doanh thu hoạt động tài chính**	16	**1.554.902.898**	**465.662.845**
22	**5. Chi phí tài chính**	17	**(348.787.673)**	**(352.474.286)**
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(345.763.745)*	*(348.436.845)*
25	**6. Chi phí bán hàng**		**(1.434.776)**	**(2.005.159)**
26	**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**		**(46.629.496)**	**(18.475.415)**
30	**8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**1.159.640.714**	**95.029.308**
31	**9. Thu nhập khác**		**3.510.057**	**1.622**
32	**10. Chi phí khác**		**(5.741.753)**	**-**
40	**11. (Lỗ) lợi nhuận khác**		**(2.231.696)**	**1.622**
50	**12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**1.157.409.018**	**95.030.930**
51	**13. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hiện hành**	18.1	**186.505**	**(1.058.447)**
60	**14. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**1.157.595.523**	**93.972.483**

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ HOÀNG ANH GIA LAI

Hồ Thị Tuyết Loan	Đỗ Văn Hải	Nguyễn Xuân Thắng
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc

Ngày 8 tháng 4 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ngàn VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước (trình bày lại – Thuyết minh số 21)*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**		**1.157.409.018**	**95.030.930**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn	8, 9	9.580.583	9.262.807
03	Dự phòng		473.029	1.896.760
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.511.014	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.554.584.317)	(461.625.390)
06	Chi phí lãi vay	17	345.763.745	348.436.845
08	**Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**(39.846.928)**	**(6.998.048)**
09	Tăng các khoản phải thu		(190.537.314)	(57.062.956)
10	Giảm hàng tồn kho		94.183	2.295.268
11	Tăng các khoản phải trả		54.508.869	155.005.962
12	Giảm chi phí trả trước		689.423	1.042.639
14	Tiền lãi vay đã trả		(294.208.449)	(250.912.907)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18.1	(1.157.773)	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(234.747)
20	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh**		**(470.457.989)**	**(156.864.789)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(2.273.301)	(12.075.575)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		589.441	-
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		(450.004.966)	(512.426.710)
24	Tiền thu hồi cho vay		19.652.607	6.942.619
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.794.800.626)	(646.123.065)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.232.022.903	43.176
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(994.813.942)**	**(1.163.639.555)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ngàn VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước (trình bày lại – Thuyết minh số 21)*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ nhận góp vốn của chủ sở hữu		1.797.972.760	-
33	Tiền thu từ đi vay, mượn		4.256.390.738	1.875.797.660
34	Tiền chi trả nợ gốc vay, mượn		(4.506.651.183)	(552.021.613)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(83.317.160)	(2.365.542)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**1.464.395.155**	**1.321.410.505**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(876.776)**	**906.161**
60	**Tiền đầu năm**		**1.449.756**	**543.595**
70	**Tiền cuối năm**	**4**	**572.980**	**1.449.756**

Hồ Thị Tuyết Loan	Đỗ Văn Hải	Nguyễn Xuân Thắng
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc

Ngày 8 tháng 4 năm 2016

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai) ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười bốn (14) GCNĐKKD điều chỉnh.

Vào ngày 3 tháng 4 năm 2015, Công ty đã nhận được GCNĐKKD số 5900712753 – điều chỉnh lần thứ mười một, chấp thuận việc đổi tên từ Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai thành Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là trồng và kinh doanh cao su và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; và chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa.

Công ty có trụ sở chính tại số 15 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 99 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 101).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã trình bày các khoản vay và trái phiếu phải trả trị giá 4.081.940.455 ngàn VND, trong đó 406.645.000 ngàn VND sẽ đến hạn trả nợ trong năm 2016. Ngoài ra, cũng tại ngày này, Công ty đã vi phạm điều khoản của khoản vay trái phiếu như được trình bày tại Thuyết minh số 14. Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào khả năng Công ty thu xếp được các dòng tiền trong tương lai để hoàn trả các khoản vay và trái phiếu khi đến hạn thanh toán, hoặc đạt được các thỏa thuận với các chủ nợ để tái cơ cấu các khoản vay và trái phiếu hiện tại.

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn đang trong quá trình đàm phán với các chủ nợ và xin phê duyệt từ các cơ quan có thẩm quyền để tái cơ cấu các khoản vay và trái phiếu nói trên. Ban Giám đốc tin tưởng rằng các đề xuất tái cơ cấu sẽ được chấp thuận và Công ty có thể tiếp tục hoạt động kinh doanh trong tương lai gần.

Theo đó, báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 10.1 và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất đã được phát hành riêng lẻ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính riêng năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 22.

3.2 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 5 năm
Phần mềm máy tính	5 - 8 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành lần lượt vào ngày 7 tháng 12 năm 2009 và ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

3.16 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4. TIỀN

Ngàn VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Tiền mặt	353.026	101.740
Tiền gửi ngân hàng	219.954	1.348.016
TỔNG CỘNG	**572.980**	**1.449.756**

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Ngàn VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Phải thu từ bên liên quan *(Thuyết minh số 19)*	19.285.351	9.207.848
Phải thu từ khách hàng	3.385.413	6.600.548
- Công ty TNHH Một thành viên Thiên Quan	*3.385.413*	*4.586.800*
- Khách hàng khác	-	*2.013.748*
TỔNG CỘNG	**22.670.764**	**15.808.396**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.369.789)	(1.896.760)
GIÁ TRỊ THUẦN	**20.300.975**	**13.911.636**

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Ngàn VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại – Thuyết minh số 21)*
Phải thu lãi cho vay	1.204.902.148	862.453.324
Phải thu cổ tức	27.656.400	30.020.475
Thanh toán hộ	24.815.654	-
Tạm ứng nhân viên	1.011.029	147.758
Khác	2.644.966	7.207.440
TỔNG CỘNG	**1.261.030.197**	**899.828.997**
Trong đó:		
Phải thu khác từ bên liên quan (Thuyết minh số 19)	*1.259.743.045*	*897.618.844*
Phải thu từ bên khác	*1.287.152*	*2.210.153*

7. HÀNG TỒN KHO

Ngàn VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Hàng hóa	945.200	965.139
Nguyên vật liệu	63.901	141.676
Công cụ, dụng cụ	19.795	16.264
TỔNG CỘNG	**1.028.896**	**1.123.079**

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Ngàn VND

	Máy móc và thiết bị	*Phương tiện vận chuyển*	*Thiết bị văn phòng*	*Tổng cộng*
Nguyên giá				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	16.616.942	6.903.819	281.274	23.802.035
Mua trong năm	1.004.504	1.268.797	-	2.273.301
Thanh lý	-	(1.038.500)	-	(1.038.500)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	17.621.446	7.134.116	281.274	25.036.836
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	*316.623*	-	*242.365*	*558.988*
Hao mòn lũy kế				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	9.711.653	2.530.580	236.760	12.478.993
Khấu hao trong năm	2.724.825	765.928	40.191	3.530.944
Thanh lý	-	(449.059)	-	(449.059)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	12.436.478	2.847.449	276.951	15.560.878
Giá trị còn lại				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	6.905.289	4.373.239	44.514	11.323.042
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	5.184.968	4.286.667	4.323	9.475.958

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Ngàn VND

	Phần mềm máy tính
Nguyên giá	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2015	48.197.185
Hao mòn lũy kế	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	5.684.340
Hao mòn trong năm	6.049.639
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	11.733.979
Giá trị còn lại	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	42.512.845
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	36.463.206

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

10.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Tình trạng hoạt động*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*		*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*	
			Tỷ lệ sở hữu	*Giá gốc*	*Tỷ lệ sở hữu*	*Giá gốc*
			%	*Ngàn VND*	*%*	*Ngàn VND*
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Nông nghiệp và xây dựng	Đang hoạt động	100,00	2.080.734.798	100,00	1.936.150.456
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Nông nghiệp	Đang hoạt động	99,99	1.375.149.450	99,99	1.375.149.450
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Nông nghiệp	Trước hoạt động	100,00	909.883.615	100,00	909.883.615
Công ty Cổ phần Đông Pênh *(i)*	Nông nghiệp	Trước hoạt động	99,70	798.397.600	-	-
Công ty Cổ phần An Đông Mia *(ii)*	Nông nghiệp	Trước hoạt động	69,50	695.695.000	-	-
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên *(iii)*	Chăn nuôi	Đang hoạt động	99,00	615.584.549	-	-
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh *(iv)*	Nông nghiệp	Đang hoạt động	97,77	440.512.398	97,54	439.601.488
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk *(v)*	Nông nghiệp và bất động sản	Đang hoạt động	99,53	394.313.155	99,42	373.422.705
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Nông nghiệp	Trước hoạt động	100,00	171.654.457	100,00	171.654.457
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Thương mại	Đang hoạt động	100,00	100.000.000	100,00	66.673.191
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên (trước đây là Công ty Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai) *(vi)*	Nông nghiệp	Đang hoạt động	-	-	99,83	425.625.996
TỔNG CỘNG				**7.581.925.022**		**5.698.161.358**

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

10.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

(i) Vào ngày 14 tháng 10 năm 2015, Công ty đã mua 99,70% cổ phần của Công ty Cổ phần Đông Pênh, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5900981604 do SKHĐT Tỉnh Gia Lai cấp ngày 13 tháng 3 năm 2014. Hoạt động chính được đăng ký của Công ty Cổ phần Đông Pênh là trồng và kinh doanh cao su và các loại cây trồng khác.

(ii) Vào ngày 15 tháng 10 năm 2015, Công ty đã mua 69,50% cổ phần của Công ty Cổ phần An Đông Mia, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5900910258 do SKHĐT Tỉnh Gia Lai cấp ngày 10 tháng 7 năm 2012. Hoạt động chính được đăng ký của Công ty Cổ phần An Đông Mia là trồng và kinh doanh cao su và các loại cây trồng khác.

(iii) Vào ngày 27 tháng 4 năm 2015, Công ty đã mua 98,61% cổ phần của Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5900985126, do SKHĐT Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 28 tháng 4 năm 2014. Hoạt động chính được đăng ký của Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa. Vào ngày 12 tháng 5 năm 2015, Công ty đã góp thêm 154.568.300 ngàn VND vào Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên, tăng tỷ lệ sở hữu lên 99,00%.

(iv) Vào ngày 18 tháng 5 năm 2015, Công ty đã mua thêm 45.500 cổ phiếu Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh, công ty con hiện hữu, từ cổ đông không có quyền kiểm soát với tổng giá mua là 910.910 ngàn VND, tăng tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh từ 97,54% lên 97,77%.

(v) Vào ngày 8 tháng 1 năm 2015, Công ty đã góp thêm 20.000.000 ngàn VND tương đương 0,04% quyền sở hữu trong Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk, công ty con hiện hữu, tăng tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk từ 99,42% lên 99,46%. Vào ngày 22 tháng 9 năm 2015, Công ty đã mua thêm 22.239 cổ phiếu Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk từ cổ đông không có quyền kiểm soát với tổng giá mua là 890.450 ngàn VND, tăng tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk từ 99,46% lên 99,53%.

(vi) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã ký hợp đồng bán toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên cho ba cá nhân là bà Lê Thị Ngọc Bích, ông Nguyễn Văn Thiêng và ông Trần Quang Dũng với giá 425.663.640 ngàn VND và ghi nhận một khoản lãi từ thanh lý đầu tư là 37.643 ngàn VND trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

10.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*		*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*	
		Tỷ lệ sở hữu	*Giá trị ghi sổ*	*Tỷ lệ sở hữu*	*Giá trị ghi sổ*
		%	*Ngàn VND*	*%*	*Ngàn VND*
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng cây cao su	47,80	273.175.991	45,22	248.460.551

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Ngàn VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Phải trả cho người bán	62.562.500	690.500
- *Ông Huỳnh Ngọc Thanh*	*61.490.000*	-
- *Người bán khác*	*1.072.500*	*690.500*
Phải trả cho các bên liên quan *(Thuyết minh số 19)*	55.082	48.845.097
TỔNG CỘNG	**62.617.582**	**49.535.597**

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Ngàn VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 21)*
Ngắn hạn	**305.212.779**	**6.718.423**
Chi phí lãi vay	305.212.779	5.828.823
Khác	-	889.600
Dài hạn	**-**	**200.000.000**
Chi phí lãi vay	-	200.000.000
TỔNG CỘNG	**305.212.779**	**206.718.423**

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Ngàn VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Vay và mượn	671.398.820	1.435.180.033
Cổ tức phải trả	4.506.440	4.732.440
Phải trả khác	1.775.569	43.965
TỔNG CỘNG	**677.680.829**	**1.439.956.438**
Trong đó:		
Phải trả khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 19)	*672.939.276*	*1.435.202.757*
Phải trả bên khác	*4.741.553*	*4.753.681*

14. VAY

Ngàn VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Vay ngắn hạn	**406.645.000**	**2.257.828.000**
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả *(Thuyết minh số 14.1)*	300.000.000	2.000.000.000
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả *(Thuyết minh số 14.3)*	40.572.000	8.549.600
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả *(Thuyết minh số 14.4)*	66.073.000	249.278.400
Vay dài hạn	**3.675.295.455**	**1.400.959.191**
Vay dài hạn trái phiếu *(Thuyết minh số 14.2)*	1.700.000.000	-
Vay dài hạn ngân hàng *(Thuyết minh số 14.3)*	944.919.102	948.088.238
Vay dài hạn bên liên quan *(Thuyết minh số 14.4)*	1.030.376.353	452.870.953
TỔNG CỘNG	**4.081.940.455**	**3.658.787.191**

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

Ngàn VND

	Vay ngắn hạn	*Vay dài hạn*
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	**2.257.828.000**	**1.400.959.191**
Tiền thu từ đi vay	-	2.150.000.000
Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	(145.624.739)	145.624.739
Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.707.604.000)	(55.700.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm có gốc ngoại tệ	2.045.739	34.411.525
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	**406.645.000**	**3.675.295.455**

14.1 Trái phiếu kèm chứng quyền

Vào ngày 5 tháng 12 năm 2012, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 2.000 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100 triệu VND) do Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng ("VPBS") thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (3) năm và được ân hạn thêm một (1) năm. Trái phiếu được trả lãi định kỳ ba (3) tháng một lần với lãi suất là 11,37% một năm cho ba (3) kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi kỳ hạn từ một đến dưới mười hai (12) tháng của Ngân hàng Nhà nước ("SBV") bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 3%/ một năm. Trong trường hợp SBV hủy bỏ quy định về lãi suất tối đa đối với tiền gửi có kỳ hạn từ một đến dưới mười hai (12) tháng, lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm của cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng trả lãi cuối kỳ của VPBS bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 3% một năm. Ngoài ra, Công ty cũng cam kết trả lãi bổ sung 5% một năm cho khoản trái phiếu này kể từ ngày phát hành trái phiếu cho đến ngày đáo hạn *(Thuyết minh số 21)*. Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital ("ECS") căn cứ theo các hợp đồng vào ngày 7 tháng 12 năm 2012, ngày 25 tháng 12 năm 2012 và ngày 27 tháng 12 năm 2012 với số tiền thu được lần lượt là 750 tỷ VND, 450 tỷ VND và 800 tỷ VND. Như vậy, tổng số tiền thu được từ các hợp đồng bán trái phiếu này là 2.000 tỷ VND.

14. VAY (tiếp theo)

14.1 Trái phiếu kèm chứng quyền (tiếp theo)

Mục đích phát hành trái phiếu này là để bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc 28.173 ha cao su tại tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 9.470 ha cọ dầu tại tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 25.000 ha cao su và cọ dầu tại tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; dự án trồng và chăm sóc 5.000 ha cao su tại tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; dự án trồng và chăm sóc 3.000 ha mía tại tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; tái cấu trúc nợ vay của Công ty và bổ sung vốn lưu động và đầu tư cho các dự án khác của Công ty. Các trái phiếu nói trên được đảm bảo bằng 150.717.250 cổ phiếu của Công ty (HNG) được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai, công ty mẹ.

Ngoài ra, mỗi trái phiếu phát hành kèm theo một chứng quyền và các chứng quyền này sẽ được coi là chứng khoán hoàn toàn độc lập với các trái phiếu ngay sau khi được phát hành. Mỗi chứng quyền sẽ cho phép người nắm giữ có quyền mua một số lượng cổ phần của Công ty tương đương với 0,000775% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền và theo nguyên tắc là tất cả các chứng quyền trong đợt phát hành này nếu được thực hiện toàn bộ sẽ luôn đảm bảo cho những người sở hữu chứng quyền quyền sở hữu đối với 15,5% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền.

Vào ngày 23 tháng 6 năm 2015, theo thỏa thuận giữa ECS – công ty sở hữu 20.000 chứng quyền và Công ty, ngày hết hạn của chứng quyền được gia hạn thêm hai (2) năm. Theo đó, thời hạn thực hiện quyền mua cổ phần theo chứng quyền được tăng từ bốn (4) năm lên sáu (6) năm kể từ ngày phát hành chứng quyền.

Vào ngày 17 tháng 11 năm 2015, Công ty đã mua lại 17.000 trái phiếu trước hạn từ hai trái chủ là Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Ngân hàng TMCP Tiên Phong, số lượng trái phiếu lần lượt là 12.000 và 5.000 với tổng mệnh giá là 1.700 tỷ VND. Theo đó, 150.717.250 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai dùng để thế chấp cho khoản trái phiếu kèm chứng quyền 2.000 tỷ VND đã được giải chấp.

Khoản tiền lãi bổ sung 255 tỷ VND tương ứng với 17.000 trái phiếu mua lại trước hạn được gia hạn thời hạn thanh toán, chậm nhất là ngày 10 tháng 12 năm 2016 và được đảm bảo bằng 92.855.945 cổ phiếu HNG do Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai sở hữu. 92.855.945 cổ phiếu này đã được dùng để thế chấp cho các trái phiếu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai bao gồm trái phiếu không chuyển đổi mệnh giá 530 tỷ VND – Trái phiếu Huỳnh Đệ, trái phiếu không chuyển đổi mệnh giá 350 tỷ VND – Trái phiếu Phú Hoàng Anh và trái phiếu có tổng mệnh giá 600 tỷ VND – Trái phiếu HAGL 600.

Đồng thời, 3.000 trái phiếu còn lại với tổng mệnh giá là 300 tỷ VND đã được gia hạn một (1) năm, thời gian đáo hạn mới là ngày 28 tháng 12 năm 2016. Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này, khoản trái phiếu này được đảm bảo bằng 25.585.000 cổ phiếu và 3.850.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG") lần lượt thuộc sở hữu của ông Đoàn Nguyên Đức và ông Nguyễn Anh Hòa; và 4.000.000 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này, giá trị của các tài sản đảm bảo này không bằng tối thiểu 130% tổng mệnh giá trái phiếu được người sở hữu trái phiếu nắm giữ.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, trái phiếu này được sở hữu bởi Ngân hàng TMCP Bắc Á, chịu lãi suất từ 9,40% đến 9,80% một năm trong năm nay và đã được phân loại thành khoản nợ dài hạn đến hạn trả cho mục đích trình bày báo cáo tài chính riêng.

14. VAY (tiếp theo)

14.2 Trái phiếu thường

Vào ngày 17 tháng 11 năm 2015, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 1.700 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là một tỷ VND) do ECS thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả từ ngày 17 tháng 12 năm 2017 đến ngày 17 tháng 12 năm 2018. Trái phiếu được trả lãi định kỳ ba (3) tháng một lần với lãi suất là 10,5% một năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng tổng của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Sở Giao Dịch cộng với biên độ 4,5% một năm. Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho Ngân hàng TMCP Quốc Dân, Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng căn cứ theo các hợp đồng đặt mua vào ngày 17 tháng 11 năm 2015, với số tiền thu được lần lượt là 300 tỷ VND, 200 tỷ VND và 1.200 tỷ VND. Như vậy, tổng số tiền thu được từ các hợp đồng bán trái phiếu này là 1.700 tỷ VND. Mục đích phát hành trái phiếu này là để cơ cấu lại một phần nợ gốc trái phiếu có tổng mệnh giá 2.000 tỷ VNĐ được phát hành tháng 12 năm 2012; bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc 28.173 ha cao su tại tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 9.470 ha cọ dầu tại tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 25.000 ha cao su và cọ dầu tại tỉnh Attapeu, Lào; dự án trồng và chăm sóc 5.000 ha cao su tại tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; dự án trồng và chăm sóc 3.000 ha mía tại tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; bổ sung vốn lưu động và đầu tư cho các dự án khác của Công ty. Các trái phiếu nói trên được đảm bảo bằng 181.717.250 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai, công ty mẹ. Trong đó, 31.000.000 cổ phiếu HNG đã được dùng để thế chấp cho trái phiếu có tổng mệnh giá 600 tỷ VNĐ – Trái phiếu HAGL 600 của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai. Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này, giá trị tài sản đảm bảm không bằng tối thiểu 200% tổng mệnh giá trái phiếu theo điều khoản ràng buộc trong hợp đồng.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, các trái phiếu này được sở hữu bởi Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam, Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với số tiền lần lượt là 300 tỷ VND, 200 tỷ VND và 1.200 tỷ VND và chịu lãi suất 10,50% một năm trong năm nay.

14.3 Các khoản vay dài hạn ngân hàng

Ngàn VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV"), chi nhánh Gia Lai	723.036.497	694.183.233
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank"), chi nhánh Đà Nẵng	262.454.605	262.454.605
TỔNG CỘNG	**985.491.102**	**956.637.838**
Trong đó :		
Vay dài hạn	*944.919.102*	*948.088.238*
Vay dài hạn đến hạn trả	*40.572.000*	*8.549.600*

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để tài trợ cho các dự án phát triển trồng cây cao su và mua sắm máy móc thiết bị của các công ty con tại Lào và Campuchia.

14. VAY (tiếp theo)

14.3 *Các khoản vay dài hạn ngân hàng* (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*	*Nguyên tệ*		*Thời hạn thanh toán*	*Lãi suất*	*Tài sản thế chấp*
	Ngàn VND	*Ngàn VND*	*USD*			
BIDV, Chi nhánh Gia Lai						
Hợp đồng vay số 01/2010/HĐ-TD, ngày 1 tháng 4 năm 2010	723.036.497	-	32.077.928	Hoàn trả trong vòng 130 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 28 tháng 4 năm 2010)	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,7%/năm (2015: 7%)	Quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 10.000 ha tại Huyện Saysetha, San Xay và Phu Vong, Tỉnh Attapeu, Lào của các công ty con
Trong đó:						
Vay dài hạn đến hạn trả	*40.572.000*					
Sacombank, Chi nhánh Đà Nẵng						
Hợp đồng tín dụng số LD1400300153, ngày 3 tháng 1 năm 2014	262.454.605	-	12.420.658	Hoàn trả trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 3 tháng 1 năm 2014)	1,125%/tháng trong 3 tháng đầu, sau đó được điều chỉnh 4 lần mỗi năm theo lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng + 0,3333%/tháng (2015: 11,55% - 12%/năm)	Quyền sử dụng đất 20.000 m2 đất và tài sản gắn liền trên đất tại Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Xây dựng – Phát triển Nhà Hoàng Anh và 16 triệu cổ phiếu HAG của Chủ tịch Đoàn Nguyên Đức
TỔNG CỘNG	**985.491.102**					

14. VAY (tiếp theo)

14.4 Các khoản vay bên liên quan

Chi tiết của các khoản vay bên liên quan như sau:

Bên cho vay	*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*	*Thời hạn thanh toán*	*Lãi suất*
	Ngàn VND		*%/năm*
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai, Công ty mẹ (Thuyết minh số 19)			
Hợp đồng vay số 25-07/2015/HĐV-HAGL ngày 25 tháng 7 năm 2015	350.000.000	60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	10 - 10,35
Hợp đồng vay số 05-01/2014/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 3 năm 2014	200.000.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	12,00
Hợp đồng vay số 20082012/HĐV-HAGL ngày 20 tháng 8 năm 2012 – Phụ lục 20082012/HĐV-HAGL-PL1 ngày 20 tháng 8 năm 2015	150.000.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	16,00
Hợp đồng vay số 05/2012/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 4 năm 2012	120.872.953	60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	14,00 – 17,00
Hợp đồng vay số 02/2015/HĐV-HAGL ngày 6 tháng 1 năm 2015	100.000.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	10,87
Hợp đồng vay số 02/2011/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 12 năm 2011 – Phụ lục 02/2011/HĐV-HAGL-PL3 ngày 28 tháng 12 năm 2014	99.278.400	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	11,93
Hợp đồng vay số 01/2013/HĐV-HAGL ngày 17 tháng 5 năm 2013	66.073.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	15,00
Hợp đồng vay số 09/12/2014/HĐV-HAGL ngày 9 tháng 12 năm 2014	10.225.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	12,00
TỔNG CỘNG	**1.096.449.353**		
Trong đó :			
Vay dài hạn	*1.030.376.353*		
Vay dài hạn đến hạn trả	*66.073.000*		

Các khoản vay bên liên quan là các khoản vay tín chấp được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Công ty và các Công ty con.

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Ngàn VND

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước				
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2014	3.990.670.000	1.295.347.000	24.229.546	5.310.246.546
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	93.972.483	93.972.483
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(221.999)	(221.999)
Cổ tức công bố	-	-	(90.189.142)	(90.189.142)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	3.990.670.000	1.295.347.000	27.790.888	5.313.807.888
Năm nay				
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2015	3.990.670.000	1.295.347.000	27.790.888	5.313.807.888
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền *(i)*	798.723.950	999.248.810	-	1.797.972.760
Phát hành cổ phiếu bằng nguồn thặng dư vốn cổ phần *(ii)*	2.292.045.000	(2.292.045.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	1.157.595.523	1.157.595.523
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	7.081.438.950	2.550.810	1.185.386.411	8.269.376.171

(i) Theo Nghị quyết số 0604/15/ĐHĐCĐ-NNHAGL ("Nghị quyết số 0604") ngày 6 tháng 4 năm 2015 của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông bất thường, Công ty đã tiến hành chào bán và phát hành cổ phiếu phổ thông cho Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và cán bộ công nhân viên của Công ty. Việc chào bán cổ phiếu được hoàn tất vào ngày 2 tháng 6 năm 2015.

(ii) Theo Nghị quyết số 0604, Công ty đã phát hành cổ phiếu phổ thông từ nguồn thặng dư vốn cổ phần cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 49,5%. Việc phát hành cổ phiếu được hoàn tất vào ngày 2 tháng 6 năm 2015.

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

15.2 Cổ phiếu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015		*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*	
	Số lượng	*Giá trị*	*Số lượng*	*Giá trị*
		Ngàn VND		*Ngàn VND*
Cổ phiếu đã phát hành				
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	*708.143.895*	*7.081.438.950*	*399.067.000*	*3.990.670.000*
Cổ phiếu phổ thông	708.143.895	7.081.438.950	399.067.000	3.990.670.000
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	708.143.895	7.081.438.950	399.067.000	3.990.670.000

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

		Ngàn VND
	Năm nay	*Năm trước (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 21)*
Cổ tức	1.190.255.496	88.353.294
Lãi cho vay các bên liên quan	364.268.379	373.228.923
Khác	379.023	4.080.628
TỔNG CỘNG	**1.554.902.898**	**465.662.845**

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

		Ngàn VND
	Năm nay	*Năm trước (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 21)*
Lãi vay ngân hàng và lãi trái phiếu	345.763.745	348.436.845
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.907.014	-
Khác	116.914	4.037.441
TỔNG CỘNG	**348.787.673**	**352.474.286**

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 22% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

18.1 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và thu nhập chịu thuế:

Ngàn VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**1.157.409.018**	**95.030.930**
Các điều chỉnh:		
Thu nhập cổ tức	(1.190.255.496)	(88.353.294)
Chi phí không được khấu trừ	24.052.198	-
Chi phí trích trước	(889.600)	(118.400)
(Lỗ tính thuế) lợi nhuận thuần điều chỉnh trước thuế chưa cấn trừ lỗ năm trước	**(9.683.880)**	**6.559.236**
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(1.748.114)
(Lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	**(9.683.880)**	**4.811.122**
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong năm	**-**	**1.058.447**
Thuế TNDN phải trả đầu năm	1.058.447	-
Thuế TNDN trích thừa năm trước	(186.505)	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(1.157.773)	-
Thuế TNDN (trả trước) phải trả cuối năm	**(285.831)**	**1.058.447**

18.2 *Thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với lỗ chuyển sang từ các năm trước do tính không chắc chắn của thu nhập chịu thuế trong tương lai như sau:

Lỗ chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 9.683.880 ngàn VND có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai. Chi tiết như sau:

Ngàn VND

Năm phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ tính thuế (*)*	*Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2015*	*Không được chuyển lỗ*	*Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015*
2015	2020	9.683.880	-	-	9.683.880

(*) Lỗ tính thuế là lỗ ước tính theo tờ khai thuế TNDN của Công ty và chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán tại ngày lập báo cáo tài chính này.

19. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014 được trình bày như sau:

Ngàn VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Giao dịch*	*Năm nay*	*Năm trước (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 21)*
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay và mượn	2.456.390.738	541.877.604
		Mua các khoản đầu tư	485.731.688	38.086.144
		Chi phí lãi vay	117.170.467	81.797.144
		Trả cổ tức	83.091.160	-
		Mua tài sản cố định	-	48.671.743
		Bán tài sản cố định	-	29.519.575
		Mua nguyên vật liệu	-	3.893.678
		Bán hàng hóa	-	722.516
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua nguyên vật liệu, tài sản	2.333.073	2.569.132
		Cổ tức	-	10.512.975
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi cho vay	17.561.410	21.100.413
		Bán hàng hóa	62.470	325.500
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Bán hàng hóa	4.703.715	4.034.050
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	74.531.852	82.864.627
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cổ tức	372.000.000	-
		Cho vay	199.999.980	-
		Lãi cho vay	83.343.743	81.254.030
		Bán hàng hóa	-	851.402
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	99.999.999	-
		Lãi cho vay	84.938.972	79.214.301
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	150.004.987	-
		Lãi cho vay	79.162.589	21.346.229
		Chi phí tư vấn	-	3.354.842
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cổ tức	818.255.496	-
		Lãi cho vay	57.410.591	60.671.491
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Bán tài sản cố định	589.441	-
		Bán hàng hóa	601.081	-
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Lãi cho vay	23.882.177	26.435.602
		Bán hàng hóa	4.769.767	4.045.700
		Cổ tức	-	77.840.319

19. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Ngàn VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Giao dịch*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 21)*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Bán hàng hóa	8.847.765	4.144.050
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	4.811.498	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán tài sản cố định	3.285.900	3.285.900
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa	943.950	943.950
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	772.802	833.948
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Bán hàng hóa	605.847	-
Công ty Cổ Phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	17.589	-
			19.285.351	**9.207.848**
Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	427.589.992	137.917.650
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	336.073.001	99.278.400
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cho vay	195.783.281	-
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay	170.611.131	168.000.000
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	129.120.002	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cho vay	128.221.602	-
Công ty Cổ Phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Cho vay	123.358.579	-
			1.510.757.588	**405.196.050**

19. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Giao dịch*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 21)*
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Chi hộ	2.065.085	-
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay Chi hộ	260.857.696 5.446.141	186.729.313 -
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay Chi hộ	280.531.851 7.212.880	204.377.359 -
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay Cổ tức phải thu Chi hộ	249.609.743 19.507.500 6.391.705	181.469.596 19.507.500 -
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay Chi hộ	166.450.808 5.406.428	95.650.979 -
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay Cổ tức phải thu Chi hộ	185.641.936 8.148.900 25.000	136.692.235 - -
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi cho vay	32.348.831	38.983.780
Công ty Cổ Phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Lãi cho vay Khác	29.460.203 304.838	18.550.062 -
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Chi hộ	333.500	1.946.085
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cổ tức phải thu	-	10.512.975
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi hộ	-	1.861.956
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Chi hộ	-	1.337.004
			1.259.743.045	**897.618.844**

19. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Giao dịch*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 21)*
Phải thu về cho vay dài hạn (*)				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	1.069.417.133	1.124.143.246
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	633.329.591	612.444.606
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cho vay	385.280.762	581.064.043
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	320.151.353	456.945.954
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	233.000.000	235.611.130
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Cho vay	62.142.038	185.500.617
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cho vay	-	147.874.210
			2.703.320.877	**3.343.583.806**
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mua vật tư	27.335	27.951
		Mua tài sản cố định	-	48.671.743
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua vật tư	23.424	145.403
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua vật tư	4.323	-
			55.082	**48.845.097**

19. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Giao dịch*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 21)*
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mượn tiền	615.181.662	1.118.513.247
		Lãi vay	54.759.771	104.048.398
		Thu hộ	1.457.387	44.116.614
		Cổ tức phải trả	-	83.091.160
Công ty TNHH Hoàng Anh An Dong Meas	Công ty con	Thu hộ	1.319.343	-
Công ty TNHH Daun Penh Agrico	Công ty con	Mượn tiền	150.381	-
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Mượn tiền	-	85.410.614
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Thu hộ	-	22.724
Công ty TNHH Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Khác	70.732	-
			672.939.276	**1.435.202.757**
Vay dài hạn				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay dài hạn	1.096.449.353	702.149.353

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn trị giá lần lượt là 1.510.757.588 ngàn VND và 2.703.320.877 ngàn VND chưa được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo yêu cầu của Thông tư số 121/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 7 năm 2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng ("Thông tư 121").

Ban Giám đốc cam kết sẽ xin phê duyệt các khoản cho vay các bên liên quan trên tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông sắp tới và sẽ điều chỉnh các chính sách quản lý về cho vay để phù hợp với các điều khoản liên quan đến việc cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan theo Thông tư 121.

20. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Ngoại tệ: Đô la Mỹ (USD)	902,41	526,49

21. ĐIỀU CHỈNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÁC NĂM TRƯỚC

Công ty đã thiếu sót trong việc ghi nhận chi phí lãi vay phát sinh liên quan đến khoản lãi bổ sung 5% một năm cho khoản trái phiếu tổng giá trị 2.000 tỷ VND (Thuyết minh số 23.1) với số tiền là 200.000.000 ngàn VND. Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh khoản lãi bổ sung vào báo cáo tài chính hợp nhất các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2014. Khoản trái phiếu này chủ yếu tài trợ cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản của Nhóm Công ty, do đó phần lớn chi phí lãi vay được vốn hóa vào giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

Một vài số liệu tương ứng trong báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được điều chỉnh lại như sau:

Ngàn VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trước điều chỉnh)	*Điều chỉnh lại*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (sau điều chỉnh)*
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG			
Các khoản phải thu khác	4.448.461.094	200.000.000	4.648.461.094
Chi phí phải trả dài hạn	-	200.000.000	200.000.000

Ngàn VND

	Năm trước (trước điều chỉnh)	*Điều chỉnh lại*	*Năm trước (sau điều chỉnh)*
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG			
Doanh thu hoạt động tài chính	365.662.845	100.000.000	465.662.845
Chi phí tài chính	(252.474.286)	(100.000.000)	(352.474.286)
Trong đó: Chi phí lãi vay	*(248.436.845)*	*(100.000.000)*	*(348.436.845)*
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG			
Lãi từ hoạt động đầu tư	(361.625.390)	(100.000.000)	(461.625.390)
Chi phí lãi vay	248.436.845	100.000.000	348.436.845

22. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một vài số liệu tương ứng trong báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và đã được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 của báo cáo tài chính riêng năm nay. Chi tiết như sau:

Ngàn VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	*Phân loại lại*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được phân loại lại)*
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG			
Các khoản phải thu khác	4.648.461.094	(4.648.461.094)	-
Tài sản ngắn hạn khác	147.759	(147.759)	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	405.196.050	405.196.050
Phải thu ngắn hạn khác	-	899.828.997	899.828.997
Phải thu về cho vay dài hạn	-	3.343.583.806	3.343.583.806

Ngàn VND

	Năm trước (đã được trình bày trước đây)	*Phân loại lại*	*Năm trước (được phân loại lại)*
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG			
Thu nhập khác	29.460.050	(29.458.428)	1.622
Chi phí khác	(29.458.428)	29.458.428	-

23. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 22 tháng 2 năm 2016, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 59.000.000 cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông không kiểm soát với giá phát hành 28.000 VND/cổ phiếu (mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu) theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 0610/15/NQĐHĐCĐ-HAGL Agrico ngày 6 tháng 10 năm 2015, các Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 3010/15/NQHĐQT-HAGL Agrico ngày 30 tháng 10 năm 2015 và số 3012/15/NQHĐQT-HAGL Agrico ngày 30 tháng 12 năm 2015. Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 7.081.438.950 ngàn VND lên 7.671.438.950 ngàn VND và thặng dư vốn cổ phần tăng từ 2.550.810 ngàn VND lên 1.064.550.810 ngàn VND. Vào ngày 8 tháng 3 năm 2016, Công ty đã nhận được Giấy GCNĐKKD số 5900712753 sửa đổi lần thứ 14 liên quan đến việc chấp thuận tăng vốn điều lệ của Công ty.

Cũng vào ngày 22 tháng 2 năm 2016, Công ty đã hoàn tất việc mua 100% vốn góp trong Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương ("Cao su Đông Dương") từ Công ty TNHH Đầu tư Cao su Cường Thịnh và Công ty TNHH Đầu tư An Thịnh theo các hợp đồng chuyển nhượng số 01/2016/HĐCN ngày 20 tháng 2 năm 2016 và số 02/2016/HĐCN ngày 20 tháng 2 năm 2016 với giá trị nhận chuyển nhượng lần lượt là 770 tỷ VND và 880 tỷ VND. Theo đó, Cao su Đông Dương đã trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày 22 tháng 2 năm 2016.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty chưa thanh toán một số khoản nợ gốc và lãi của các khoản vay và trái phiếu đến hạn. Ngoài ra, Công ty đang vi phạm một số điều khoản ràng buộc của các khoản vay ngân hàng và trái phiếu như trình bày tại Thuyết minh số 14.

Hiện nay, Ban Giám đốc đang tiếp tục thương lượng với các chủ nợ chính nhằm tìm giải pháp cho tình hình tài chính của Công ty. Nội dung của các buổi thảo luận chính bao gồm việc cơ cấu/hoán đổi gia tăng thời gian trả nợ gốc đối với dư nợ tín dụng và trái phiếu lên tối thiểu 3 – 15 năm. Cơ cấu, giãn thời gian trả nợ lãi thêm 3 năm, giảm lãi suất cho vay, ứng xử đối với khoản vay mới và việc duy trì hạn mức tín dụng đã cấp cho Công ty.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng.

Hồ Thị Tuyết Loan	Đỗ Văn Hải	Nguyễn Xuân Thắng
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc

Ngày 8 tháng 4 năm 2016